

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST

Ngày 23/3/2021

Về việc: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thế Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Chấn

2. Ông Nguyễn Tiến Tịnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Kim Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: bà Lê Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2020 về việc Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXX-ST ngày 08 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị Trinh T– Sinh năm 1991

Địa chỉ: thôn Đ, xã M, huyện M, tỉnh N (Có mặt).

- Bị đơn: anh Hồ Văn B– Sinh năm 1993

Địa chỉ: thôn Đ, xã M, huyện M, tỉnh N (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 10/12/2020, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Võ Thị Trinh T trình bày: Vào ngày 19 tháng 10 năm 2016 chị T, anh B đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh N. Hôn nhân tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn thì anh, chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm, cách sống, hay cãi nhau vì những việc nhỏ nhặt trong gia đình, anh B nghiện game, đánh đập chị và có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Do đó, anh, chị đã ly thân với nhau từ 6/2018 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vậy nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hồ Văn B.

Về con chung: anh, chị có 01 con chung là cháu Hồ Hoàng N, sinh ngày 20/9/2017. Khi ly hôn chị xin được nuôi dưỡng cháu N cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh B cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết; công nợ chung không có.

Theo lời khai tại Tòa án của bị đơn anh Hồ Văn B trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Anh, chị kết hôn với nhau vào năm 2016 có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh N; hôn nhân giữa anh, chị hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc. Anh, chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là vì những việc nhỏ nhặt trong gia đình, không ai quan tâm đến ai hết nên anh, chị ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Trinh T thì anh không đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Anh, chị có 01 con chung là cháu Hồ Hoàng N, sinh ngày 20/9/2017. Khi ly hôn anh B đồng ý giao cháu N cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi trưởng thành.

- Về tài sản chung và nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết; Công nợ chung không có.

- *Kết quả thu thập chứng cứ:*

Tại biên bản xác minh ngày 08/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil: Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh B thì chính quyền địa phương không biết vì khi xảy ra mâu thuẫn anh, chị không thông báo với chính quyền địa phương để hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa xác định việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Võ Thị Trinh T. Chị Võ Thị Trinh T được ly hôn với anh Hồ Văn B.

- Về con chung: Giao cháu Hồ Hoàng N, sinh ngày 20/9/2017 cho chị Võ Thị Trinh T trực tiếp, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành.

- Về tài sản và công nợ: Không có.

- Về án phí: chị Võ Thị Trinh T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án xin ly hôn, bị đơn anh Hồ Văn B có địa chỉ tại thôn Đ, xã M, huyện M, tỉnh N. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý là đúng quy định tại Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Võ Thị Trinh T:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Võ Thị Trinh T và anh Hồ Văn B có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh N theo giấy chứng nhận kết hôn số 114, ngày 19/10/2016. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, quá trình chung sống hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn và đã ly thân với nhau từ tháng 6/2018 nên không còn khả năng đoàn tụ. Trong quá trình làm việc tại Tòa án, chị T thừa nhận chị không còn tình cảm với anh B, không muốn tiếp tục chung sống với nhau nữa và muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống vì hôn nhân vợ chồng không đạt được mục đích.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn phát sinh từ lâu nhưng cả hai không tìm ra được giải pháp khắc phục. Anh, chị đã không còn tin tưởng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không có khả năng đoàn tụ, hôn nhân của anh, chị thật sự không đạt được mục đích. Do vậy, Hội đồng xét xử nghĩ cần căn cứ vào Điều 51; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T và giải quyết cho chị Võ Thị Trinh T được ly hôn với anh Hồ Văn B.

[2.2] Về con chung: Giao cháu Hồ Hoàng N, sinh ngày 20/9/2017 cho chị Võ Thị Trinh T trực tiếp, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Anh Hồ Văn B được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, chị Võ Thị Trinh T không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Võ Thị Trinh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tại phiên toà là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51; Điều 53, Điều 56, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Võ Thị Trinh T. Chị Võ Thị Trinh T được ly hôn với anh Hồ Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Hồ Hoàng N, sinh ngày 20/9/2017 cho chị Võ Thị Trinh T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Anh Hồ Văn B được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, chị Võ Thị Trinh T không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng hoặc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; Điều 110; Điều 117; Điều 118 và Điều 119 Luật HNGĐ năm 2014.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Võ Thị Trinh T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003801 ngày 15/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh N.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn có tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Thắng

